TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN IA GRAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2023/DS-ST
Ngày 29/9/2023
V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Đình Xiềng

2. Bà Nguyễn Thị Lan.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Thái Nam, Thư ký Toà án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 56/2023/TLST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2023/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N

Địa chỉ: 02 L, phường T, quận B, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Cao Tấn Đ, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Ia (theo Quyết định uỷ quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số 2655/QĐ-NHN$_o$-PC ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Tổng giám đốc Ngân hàng N).

Người được ủy quyền lại: Ông Bùi Nhứt V - chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch - Kinh doanh Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Ia (theo Quyết định uỷ quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số 190B/QĐ-NHN$_o$.IGĐGL-KHKD ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Ia). Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Hoàng Công T và bà Nguyễn Thị N; Địa chỉ: thôn H, xã Ia Y, huyện Ia, tỉnh G. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Đại diện nguyên đơn trình bày:* Ngân hàng N (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) cho ông Hoàng Công T và bà Nguyễn Thị N vay số tiền 50.000.000đ với hình thức tín chấp để chăm sóc cây cà phê và mua sắm vật dụng gia đình theo hợp đồng tín dụng số 5005LAV 202002151 ngày 03/7/2020 kèm báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ số 5005LDS202004147 ngày 03/7/2020, thời hạn vay 12 tháng; lãi suất cho vay là 10%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, lãi chậm trả lãi là 10%/năm. Kỳ trả nợ gốc 01 lần vào ngày 03/7/2021. Lãi trả 06 tháng /lần vào ngày 10 của tháng thứ 6. Ngày 13/7/2021 Ngân hàng đồng ý gia hạn kỳ hạn trả nợ đến ngày 03/01/2022 số tiền gốc 50.000.000đ, lãi là 2.410.959đ. Ngày 16/7/2021 Ngân hàng có thông báo điều chỉnh giảm lãi suất trong hạn từ 10%/năm xuống còn 9%/năm từ ngày 15/7/2021 đến ngày 31/12/2021. Trong quá trình thực hiện hợp đồng từ ngày 13/7/2020 đến nay ông T và bà N chỉ trả được 2.630.138đ tiền lãi. Ngày 04/01/2022 số nợ của ông T và bà N gồm, gốc là 50.000.000đ, lãi là 4.684.932đ nhưng họ vẫn không trả, do vậy Ngân hàng đã chuyển thành nợ quá hạn đối với số tiền vay của ông T và bà N kể từ ngày 05/01/2022. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 50.000.000đ, tiền lãi trong hạn còn lại là 4.684.932đ, lãi chậm trả lãi trong hạn là 933.399đ, lãi quá hạn tính đến ngày 29/9/2023 là 12.879.452đ. Tổng cộng cả gốc và lãi là 68.497.783đ.

** Bị đơn đã được Toà án cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng để thực hiện quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không rõ lý do, cũng không có ý kiến trình bày gửi cho Toà án.*

Phát biểu quan điểm, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án. Về nội dung, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; bị đơn phải trả nợ gốc và lãi của hợp đồng tín dụng. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Ngân hàng N khởi kiện ông Hoàng Công T và bà Nguyễn Thị N để yêu cầu trả tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng. Do vậy đây là tranh chấp về Hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa, do vậy Tòa án xét xử vắng mặt họ là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Hợp đồng tín dụng số 5005LAV 202002151 ngày 03/7/2020 kèm báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ số 5005LDS202004147 ngày 03/7/2020 có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự 2015 và Luật Các tổ chức tín dụng nên phát sinh các quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên. Khi đến hạn trả nợ ngày 03/01/2022 bị đơn chỉ trả được một phần nợ lãi trong hạn là thực hiện chưa đầy đủ nghĩa vụ của bên vay. Do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số nợ gốc 50.000.000đ theo hợp đồng tín dụng nói trên là có căn cứ pháp luật.

[3].Về yêu cầu trả nợ lãi trong hợp đồng tín dụng: Xét sự thỏa thuận về mức lãi suất vay của các bên trong hợp đồng tín dụng nêu trên lãi trong hạn 10%/năm (trong đó có sự điều chỉnh giảm lãi xuống còn 09%/năm từ ngày 15/7/2021 đến ngày 31/12/2021), lãi quá hạn = 150% lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng, lãi chậm trả lãi 10%/năm trên số lãi trong hạn chậm trả theo từng thời kỳ trả nợ là phù hợp với quy định của Điều 11 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, Luật Các tổ chức tín dụng và Bộ luật Dân sự. Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn cung cấp bảng tính lãi trong đó xác định rõ lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả 4.684.932, lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả 12.879.452 và lãi chậm trả lãi trong hạn 933.399đ, tổng cộng các khoản lãi là 18.497.783đ tương ứng với thời hạn vay và trả nợ là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[4]. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 288, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

2. Ông Hoàng Công T và bà Nguyễn Thị N phải liên đới trả cho Ngân hàng N: tiền nợ gốc 50.000.000đ, tiền lãi trong hạn còn lại là 4.684.932đ, lãi chậm trả lãi trong hạn là 933.399đ, lãi quá hạn là 12.879.452đ. Tổng cộng cả gốc và lãi là 68.497.783đ *(sáu mươi tám triệu bốn trăm chín mươi bảy nghìn bảy trăm tám mươi ba đồng).*

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/9/2023) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

3. Về án phí: Ông Hoàng Công T và bà Nguyễn Thị N phải liên đới chịu 3.424.889đ *(ba triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn tám trăm tám mươi chín đồng)* án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước. Trả lại cho Ngân hàng N số tiền đã tạm nộp là 1.618.275đ *(một triệu sáu trăm mười tám nghìn hai trăm bảy mươi lăm đồng)* theo biên lai thu số 0008923 ngày 15/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Ia Grai;
- Toà án tỉnh;
- VKSND huyện;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đặng Chí Công